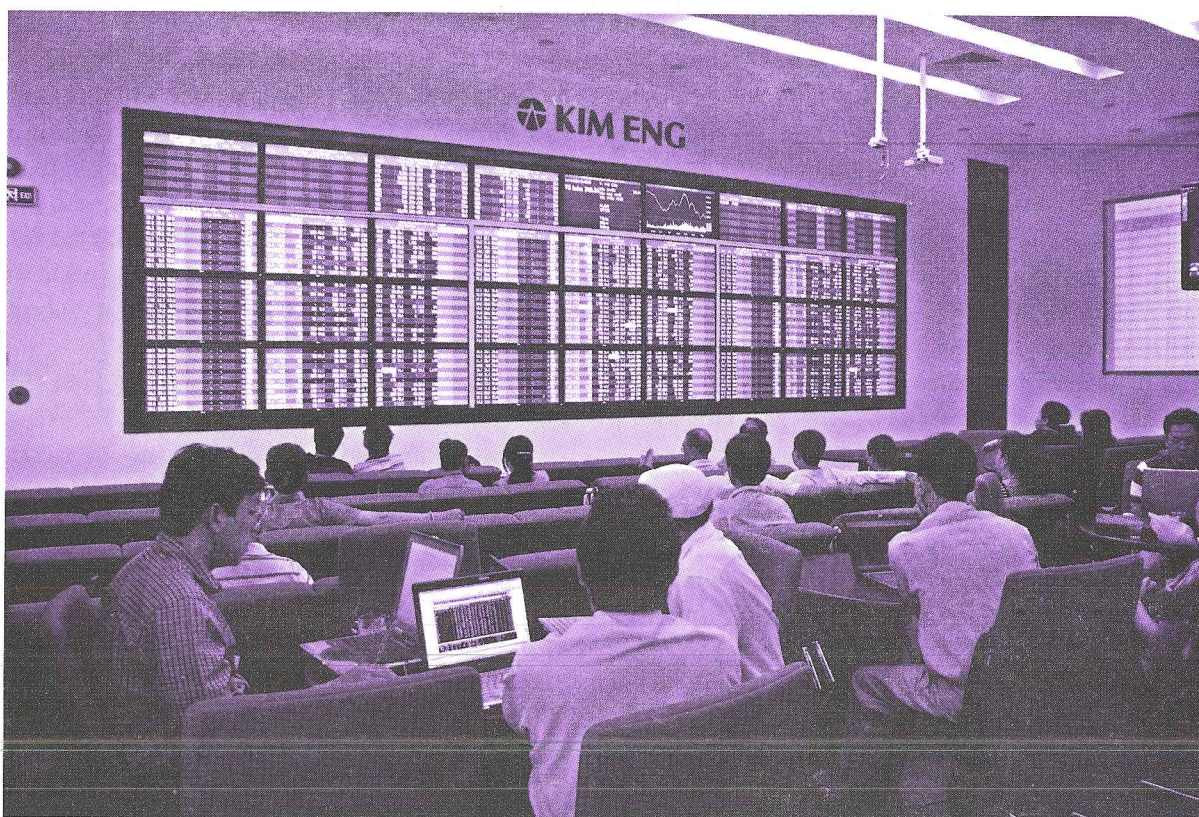




Giải pháp phát triển thị trường dịch vụ tài chính trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

TS. VŨ THỊ MINH HẰNG

TP.HCM đang vươn lên là một trong những trung tâm tài chính của cả nước. Với môi trường kinh tế năng động, thị trường dịch vụ tài chính trên địa bàn đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ để vừa góp phần vào chiến lược phát triển chung của thành phố vừa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống KT-XH. Trước thực tế đó, bài viết tập trung phân tích những nhu cầu và khả năng phát triển thị trường DVTC tại TP.HCM đồng thời nêu lên một số giải pháp trên góc độ vĩ mô nhằm tạo điều kiện phát triển thị trường này.

1. Nhu cầu và khả năng phát triển thị trường DVTC tại TP.HCM

TP.HCM là một địa bàn có nhiều tiềm năng tạo

điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp DVTC khai thác nhằm phát triển thị phần. Sau đây tôi xin đề cập một số vấn đề chủ yếu hình thành nên nhu cầu và khả năng phát triển thị trường DVTC tại TP.HCM.

- TP.HCM chiếm 0,6% diện tích và 6,6% dân số cả nước, tỉ trọng GDP của thành phố chiếm 1/5 tổng sản phẩm quốc nội, 1/3 sản lượng công nghiệp, 40-50% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong giai đoạn từ 2000 đến nay thành phố luôn giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao với tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm đặc biệt trong năm 2007 đạt 12,6% là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Là một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, nơi đây tập trung các doanh nghiệp thuộc

các ngành các lĩnh vực, thành phố có 7 tổng công ty nhà nước do thành phố quản lý chiếm 25% tổng vốn kinh doanh, thành phố còn là địa phương dẫn đầu cả nước với 12 khu công nghiệp và khu chế xuất cùng hàng chục ngàn cơ sở kinh doanh khác... tình hình đó đã tạo ra nhu cầu giao dịch, tư vấn, quản lý tài chính rất lớn.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế của TP.HCM (2000-2007)

	Giá trị GDP tính theo giá thực tế (tỷ đồng)	% GDP	Cơ cấu GDP theo ngành	
			Công nghiệp	Dịch vụ
2000	75.862	9,21	44,08	53,73
2001	84.852	9,50	46,2	51,9
2002	96.403	10,20	47,5	51,3
2003	113.326	11,20	47,9	50,5
2004	137.087	11,60	48,5	50,1
2005	169.559	12,20	48,1	50,7
2006	191.011	11,20	47,7	51,1
2007	214.505	12,60	48,2	50,1

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM

- Với tổng dân số thành phố năm 2000 là 5 triệu người, theo dự báo của Viện Kinh tế Thành phố năm 2010 thành phố sẽ có số dân 7 triệu người. Ngoài ra, sự gia tăng dân số cơ học của một trung tâm vẫn có chiều hướng vượt trội số người xuất cư khỏi TP.

Bên cạnh đó, với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, GDP bình quân của người dân TP cũng cao nhất cả nước, nếu năm 2000 mức này mới là 1.365 USD thì đến nay 2.000 USD và phấn đấu đến năm 2008 là 2.500USD và đạt 3.000 USD khi đến năm 2010. Khi thu nhập bình quân tăng lên sẽ phát sinh những nhu cầu về giao dịch, về đầu tư, về bảo hiểm rủi ro cho sinh mạng và tài sản

Bảng 2: Dự báo dân số và nguồn lao động TP.HCM 2000-2010

	2000	2005	2010
- Dân số toàn TP (triệu người)	5,2	6,2	7,2
	100%	100%	100%
- Cơ cấu DS theo tuổi lao động	24,7	22	19
< tuổi lao động	66,2	68,7	69
trong tuổi lao động	9	9,3	10
> tuổi lao động			

Nguồn: Viện Kinh Tế TP.HCM

Ngoài ra, TP.HCM cũng là địa phương có số

người lao động đi xuất khẩu lao động, làm ăn sinh sống ở nước ngoài và đi học tăng nhanh, từ đó nguồn kiều hối hàng năm qua hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn chiếm 70% cả nước. Du lịch của TP cũng rất phát triển, theo dự kiến số lượng khách sẽ tăng từ 1 triệu năm 2000 lên 6 triệu lượt khách năm 2010.

- Thị trường bất động sản hình thành và phát triển mạnh mẽ trên địa bàn với hoạt động của các siêu thị địa ốc nhất là khi Luật đất đai được sửa đổi, bổ sung từ tháng 7/2004. Các khu đô thị mới đang hình thành và phát triển, từ đó, giao dịch nhà đất nói chung và giao dịch qua ngân hàng cũng có điều kiện gia tăng.

Những yếu tố trên tạo nên nhu cầu về số lượng chủng loại và chất lượng các sản phẩm DVTC tăng lên.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2010 đã nhấn mạnh "phát triển các ngành, các lĩnh vực dịch vụ then chốt như: Tài chính - ngân hàng, bảo hiểm... hình thành một trung tâm kinh tế - tài chính của cả nước và khu vực Đông Nam Á..." điều này cho thấy chính quyền TP sẽ tạo điều kiện thuận lợi và có chính sách hỗ trợ tốt nhất để các hoạt động DVTC phát triển mạnh trên địa bàn thành phố.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ của thành phố đang được chú trọng phát triển để đến năm 2010 phải giải quyết cơ bản những công trình trọng yếu của thành phố như mạng lưới giao thông, bao gồm cả đường bộ, đường thủy và đường hàng không, điện, nước, bưu chính viễn thông tin học... nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho mục tiêu phát triển của TP bước vào giai đoạn, tăng tốc cho công nghiệp hóa của thời kỳ 2010-2020

- Về nguồn nhân lực, TP.HCM là nơi tập trung các viện nghiên cứu, các trường đại học lớn của cả nước, với trên 40 trường đại học và cao đẳng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ đáp cho nhu cầu TP mà còn là của khu vực phía Nam. Đây là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng cung cấp đội ngũ nhân sự có chuyên môn cho hoạt động DVTC trên địa bàn.

- Với vai trò là đầu tàu kinh tế và là một trung tâm tài chính lớn nhất của cả nước TP.HCM là nơi qui tụ hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính.

Riêng số lượng 2 loại hình định chế thuộc lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và dịch vụ bảo hiểm đã

chiếm tỷ lệ 50% và khống chế 30% thị phần dịch vụ tài chính của cả nước.

Bảng 3 : So sánh số lượng các loại định chế tài chính trên địa bàn TP.HCM so với cả nước (2007)

Các loại định chế tài chính	Cả nước	TP.HCM
NHTM cổ phần đô thị	33	18
NHTM liên doanh	5	4
NHTM nước ngoài	35	22
Công ty tài chính	9	3
Công ty cho thuê tài chính	12	7
Công ty bảo hiểm	41	20
Công ty chứng khoán	78	21(*)

(*) Thành viên chính thức của SGD TP.HCM

Nguồn: Tổng hợp

Là địa bàn được chọn thí điểm cho đề án cải tổ ngân hàng (1986) vì vậy thị trường dịch vụ ngân hàng đã sôi động từ những năm 90 của thế kỷ trước với sự tham gia của các NHTM thuộc nhiều thành phần kinh tế, trong đó, hầu hết các tập đoàn ngân hàng lớn của nước ngoài đã có mặt tại thành phố như: Citibank, HSBC, ANZ, BNP, Hong Kong Bank, Deutsche Bank...

Đặc biệt sau thời điểm VN ký kết Hiệp định Thương Mại Việt- Mỹ (2000) thị trường dịch vụ ngân hàng thật sự khởi sắc mạnh mẽ, trong đó, nổi

bật và có chuyển biến tích cực thuộc về các ngân hàng thương mại cổ phần và tạo nên sự bứt phá ngoạn mục vào thời điểm 2006 khi lần đầu tiên vượt lên khối ngân hàng thương mại nhà nước về thị phần cho vay chiếm tỷ trọng lớn nhất toàn hệ thống ngân hàng (37,7% so với 35%)

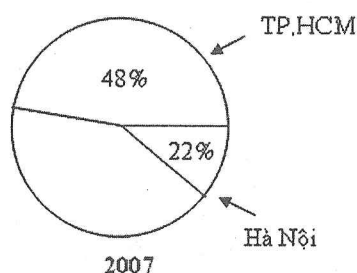
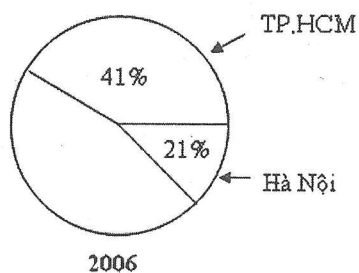
Từ năm 2003 đến nay với việc triển khai mạnh dịch vụ thanh toán điện tử, địa bàn TP.HCM luôn chiếm 50% số lượng máy ATM và 70% tổng số thẻ được phát hành trong cả nước góp phần nâng tỷ trọng giao dịch thanh toán qua ngân hàng từ 45% năm 2000 lên 85% năm 2006 và đạt 87% năm 2007. Đến nay hầu hết các NHTM trên địa bàn đã ứng dụng và phát triển công nghệ ngân hàng hiện đại Corebanking – “Ngân hàng lõi” làm nền tảng để phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử và các dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong thời gian tới.

Về hoạt động bảo hiểm, ngay từ những năm đầu cải cách kinh tế, thị trường bảo hiểm trên địa bàn TP đã có sự tham gia của các công ty bảo hiểm hàng đầu thế giới như AIA, Prudential, Manulife... Tính đến cuối năm 2007, TP.HCM đã có 20 doanh nghiệp bảo hiểm (trong số 41 doanh nghiệp cả nước) chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (11 doanh nghiệp) số còn lại mặc dù có trụ sở chính ở Hà Nội nhưng đều có chi nhánh hoặc Văn phòng 2 tại TP.HCM. Thị trường này cũng đã và đang phát triển mạnh ở các dòng

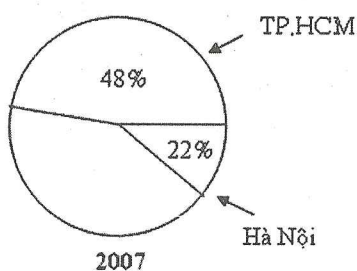
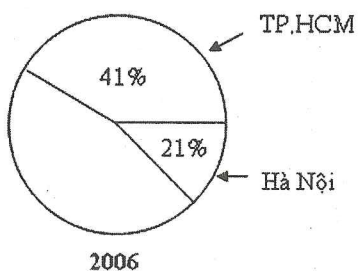
sản phẩm BH nhân thọ và phi nhân thọ với mức tăng trưởng khá ổn định bình quân 10%/năm trong đó thị trường bảo hiểm nhân thọ tăng 3%-5%/năm, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng 15%-18%/năm. Sau khi VN chính thức gia nhập WTO (2006) thị trường này đã trở nên sôi động hơn so với sự ra đời của nhiều công ty như Công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (GIC), Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các công ty bảo hiểm nước ngoài được

Hình 1: So sánh một số chỉ tiêu TD giữa TP.HCM và Hà Nội

Về huy động vốn qua hệ thống NHTM



Về dư nợ qua hệ thống NHTM



Nguồn : Ngân hàng Nhà nước.

cấp giáp phép như: AIG, Liberty, Mutual ...

Với lợi thế là nơi hoạt động của sàn giao dịch chứng khoán đầu tiên của cả nước nên từ năm 2000 các dịch vụ chứng khoán đã bắt đầu đi vào hoạt động. đến 2007 đã có 78 công ty chứng khoán đi vào hoạt động, thị trường dịch vụ chứng khoán trong thời gian đầu chỉ tập trung chủ yếu vào mảng dịch vụ môi giới thì từ năm 2005 đến nay đã đa dạng ở hầu hết các loại dịch vụ. Tuy nhiên với xu thế phát triển của thị trường chứng khoán trong những năm gần đây đã khiến các công ty chứng khoán bị rơi vào tình trạng thiếu đội ngũ chuyên viên cần thiết. đây cũng là hạn chế chung của thị trường dịch vụ tài chính trên địa bàn TP hiện nay.

Từ hoạt động sôi nổi của một trung tâm thương mại và dịch vụ đã tạo điều kiện phát triển các loại hình dịch vụ tư vấn đầu tư và kế toán kiểm toán. Cũng như các doanh nghiệp tài chính khác, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán – kiểm toán tồn tại dưới nhiều thành phần kinh tế từ các doanh nghiệp nhà nước, cổ phần, công ty nước ngoài với sự đổ bộ của các công ty kiểm toán nước ngoài như PriceWaterHouse Coopers (PWC), Grant Thornton (G.T), Ernst & Young (E & Y)... Với nhu cầu minh bạch tài chính trong xu thế chuyển sang kinh tế thị trường hoạt động dịch vụ kế toán – kiểm toán đang đóng vai trò rất quan trọng hỗ trợ cho các hoạt động tài chính khác trên thị trường.

Đặc biệt từ năm 2000 đến nay thị trường đã có những chuyển biến tích cực để bắt nhịp với tiến trình hội nhập của đất nước, thể hiện qua sự đa dạng, phong phú của các sản phẩm dịch vụ tài chính được cung cấp ngày càng gia tăng. Dưới áp lực cạnh tranh thị trường càng sôi động hơn với những cuộc chạy đua lãi suất, các hình thức khuyến mãi, chiến lược quảng cáo để xây dựng thương hiệu, mở rộng địa bàn giao dịch, nâng cao chất lượng phục vụ...

Tất cả những phân tích trên đã phần nào khẳng định tiềm năng về nhu cầu sử dụng và khả năng phát triển thị trường DVTC trên địa bàn TP là hoàn toàn có cơ sở. Mặt khác, bản thân các doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm DVTC cũng đã nhận thức tầm quan trọng và lợi ích của việc phát triển và mở rộng thị trường qua những chiến lược phát triển thị phần của các ngành ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán... trong thời gian qua.

Như vậy, với tiềm năng từ phía cầu, kỳ vọng từ phía cung và chính sách mở cửa hội nhập từ phía nhà nước, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào

sự bùng nổ các sản phẩm DVTC trên thị trường DVTC của thành phố trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, nằm trong tình hình chung của môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, môi trường pháp lý đang hoàn thiện, bối cảnh riêng về cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật của thành phố, khả năng tài chính chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính của các doanh nghiệp tài chính ... vẫn còn là những hạn chế đặt ra cho thị trường này hiện nay.

Từ đó, bên cạnh nỗ lực của các doanh nghiệp tài chính thì giải pháp từ góc độ quản lý vĩ mô là rất cần thiết để tạo môi trường hoạt động tốt hơn cho thị trường DVTC phát triển trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung

2. Các giải pháp vĩ mô thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ tài chính

Đảm bảo sự lành mạnh hoạt động của thị trường DVTC.

Lĩnh vực tài chính là một lĩnh vực nhạy cảm của nền kinh tế điều này không chỉ bắt nguồn từ chỗ các hoạt động tài chính luôn ẩn chứa nhiều rủi ro mà nó còn có tác động trực tiếp đến vấn đề an ninh tài chính của từng quốc gia. Do vậy, để phát triển thị trường dịch vụ tài chính trong bối cảnh mà VN đang từng bước thực hiện lộ trình hội nhập quốc tế thì vấn đề lành mạnh hoạt động của thị trường này càng mang tính cần thiết khách quan.

Trước hết, Luật cạnh tranh đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/7/2005 sẽ có tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp tài chính. Hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp này chủ yếu tập trung ở hai vấn đề là cạnh tranh về cung ứng sản phẩm dịch vụ và về giá cả dịch vụ. Mặc dù trong từng bộ luật tài chính có đề cập như cạnh tranh của các tổ chức tín dụng được quy định ở Điều 16 Luật tổ chức tín dụng, vấn đề cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm được quy định ở Điều 10 Luật kinh doanh bảo hiểm, một số hành vi bị cấm trong hoạt động kinh doanh chứng khoán được quy định ở Điều 9 Luật chứng khoán... Tuy nhiên, chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính. Vì vậy, để thị trường dịch vụ tài chính phát triển lành mạnh nhất thiết phải xây dựng Luật cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính và phải đảm bảo các yêu cầu như:

- Bảo đảm quyền tự do kinh doanh, bình đẳng không phân biệt đối xử đối với các chủ thể tham gia

hoạt động tài chính.

- Nhà nước bảo hộ hoạt động cạnh tranh hợp pháp, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi phi cạnh tranh, và cạnh tranh không lành mạnh.
- Kiểm soát độc quyền.
- Bảo đảm an toàn hoạt động tài chính.

Thứ hai, để thị trường DVTC hoạt động lành mạnh cần thực hiện chính sách đối xử bình đẳng theo các cam kết của VN trong các văn bản quốc tế như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại VN- Mỹ, GATS...

Thứ ba, hoạt động tài chính – tiền tệ là nơi ẩn náu tinh vi của các loại giao dịch phi pháp, để ngăn chặn các hoạt động rửa tiền, Chính phủ đã có ND 74/2005/NĐ-CP ngày 7/6/2005 về phòng chống rửa tiền qua các giao dịch tài chính. Đây là việc làm cần thiết nhằm giảm thiểu những tổn hại cho nền kinh tế. Song lại là vấn đề dễ gây bất an trong công chúng nên Nhà nước cần có những qui định hướng dẫn cụ thể hơn cho các ngân hàng thương mại triển khai áp dụng song song với công tác tuyên truyền ý thức của công chúng khi mở tài khoản thanh toán qua ngân hàng.

Thứ tư, để thị trường dịch vụ tài chính hướng ra với thị trường quốc tế, Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quá trình hội nhập bao gồm: luật pháp liên quan đến các mức độ của hoạt động DVTC, pháp luật đối với việc các chủ thể kinh tế của VN tham gia vào thị trường tài chính quốc tế. Mặt khác, khi các doanh nghiệp tài chính xin thành lập ở VN cũng cần qui định thống nhất những khái niệm như chi nhánh, văn phòng đại diện, với “ngân hàng con” như theo qui định trong Hiệp định thương mại Việt -Mỹ. Vì chi nhánh, văn phòng đại diện có phạm vi hoạt động hẹp hơn so với một ngân hàng con, đồng thời sẽ liên quan đến nhiều vấn đề khác như đại diện ký kết hợp đồng, giải quyết tranh chấp có thể phát sinh như kiện tụng, trách nhiệm của ngân hàng mẹ đối với ngân hàng con trong hoạt động tại VN, cơ chế tài chính, vấn đề chuyển lợi nhuận...

Thứ năm, để tạo điều kiện an toàn trong hoạt động giao dịch thanh toán, Nhà nước cần hoàn thiện các qui trình trong thanh toán quốc tế theo hướng hoàn thiện các qui định pháp lý có liên quan đến giá, đến các phương tiện thanh toán như hối phiếu, séc... theo thông lệ quốc tế.

Thứ sáu, hoàn thiện các bộ luật riêng cho từng ngành ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán,

kiểm toán... Cho phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc biệt là phù hợp với xu thế hội nhập, ví dụ như cam kết của VN trong Hiệp định thương mại VN – Mỹ có đề cập đến những nghiệp vụ mới chưa được phổ biến tại VN hoặc chưa có căn bản điều chỉnh như nghiệp vụ Factoring, môi giới tiền tệ...

Tăng cường kiểm soát hoạt động dịch vụ tài chính

Phát triển thị trường DVTC trong bối cảnh hội nhập nên vấn đề tăng cường kiểm soát các dòng vốn thông qua thị trường là một yêu cầu khách quan. Xuất phát từ chỗ quá trình dịch chuyển nhanh chóng các dòng vốn được tiến hành khi các chính sách kinh tế không đồng bộ và thiếu lành mạnh sẽ đưa đến những tình thế nguy hiểm. Mặt khác quá trình chuyển dịch từ kiểm soát trực tiếp sang kiểm soát gián tiếp ở hầu hết các quốc gia đang phát triển, trong đó có VN đã chứng minh tầm quan trọng của vấn đề này. Trên cơ sở đó, nội dung phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát tài chính cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Kiểm soát sự tham gia của nước ngoài vào thị trường vốn quốc gia thông qua các dịch vụ tài chính.
- Kiểm soát sự tham gia vào thị trường tài chính nước ngoài của doanh nghiệp tài chính trong nước.
- Kiểm soát các hoạt động tài chính qua biên giới để vừa thúc đẩy hội nhập vừa hạn chế rủi ro, phòng chống tội phạm trong lĩnh vực này.

Việc kiểm soát hoạt động DVTC thường bao gồm 2 hình thức là kiểm soát “hành chính” hay trực tiếp và kiểm soát “thị trường” hay gián tiếp.

Để thực hiện được những vấn đề nêu trên bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống giám sát tài chính của Nhà nước thì vấn đề công khai, minh bạch tài chính là một trong những biện pháp cần thực hiện. Việc công khai tài chính cần lưu ý phải áp dụng cho tất cả các cá nhân, doanh nghiệp chứ không chỉ riêng các doanh nghiệp tài chính. Ngoài ra, để giúp cho việc giám sát tài chính có hiệu quả cần tăng cường độ tin cậy của các số liệu tài chính trên cơ sở hoàn thiện chế độ báo cáo tài chính chế độ kế toán – kiểm toán...

Xây dựng môi trường kinh tế vĩ mô phát triển ổn định.

Nền kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định là một trong những điều kiện tiên quyết tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực tài chính phát triển. Với ý nghĩa đó, trong thời gian

qua Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng để kiềm chế lạm phát, chủ trương tự do hoá tài khoản vốn trong một giới hạn nhất định nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập. Tuy nhiên, sau thời gian nước ta chính thức là thành viên của WTO sự tăng trưởng có phần nóng lên của các dòng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp, và điều đáng quan tâm là do diễn biến gia tăng của lạm phát đã đưa đến cuộc chiến lãi suất trong hoạt động ngân hàng trong thời điểm những tháng cuối năm 2007 và đầu năm 2008.

Qua đó, cho thấy về lâu dài các cơ quan, ban ngành chức năng cần có những dự báo mang tính chiến lược để tư vấn cho chính phủ trong điều tiết vĩ mô, trong đó, trước hết cần có những điều chỉnh trong chính sách quản lý sao cho hợp lý, linh hoạt với hệ thống những biện pháp trước mắt, lâu dài, biện pháp phối kết giữa tài chính và tiền tệ trong ngắn hạn và dài hạn, tạo sự bình ổn về giá và đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững.

Đa dạng hệ thống thông tin cho thị trường DVTC

Vấn đề về thiếu thông tin đang là hạn chế lớn của nền kinh tế nước ta nói chung và đặc biệt trên thị trường dịch vụ tài chính, điều này lại càng trở nên bức xúc khi các chủ thể khó có thể đưa ra những quyết định đầu tư. Để giải quyết tình trạng này theo chúng tôi Nhà nước cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần có qui định bắt buộc về công khai thông tin và các chế tài kiên quyết đối với các hành vi không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch gây thiệt hại cho lợi ích của người khác. Bên cạnh đó, cần xem vấn đề công khai tài chính là một trong những tiêu chí đánh giá uy tín của doanh nghiệp trên thương trường.

Thứ hai, hoàn thiện các kênh thông tin hiện có như nguồn thông tin từ các cơ quan chức năng như: Thuế, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước thông qua nâng cấp và củng cố hoạt động của Trung tâm Thông tin Tín dụng- CIC, thông tin từ Ủy ban Chứng khoán, từ Sở Giao dịch... góp phần cho người đầu tư cũng như các doanh nghiệp thu nhập được những nguồn thông tin cập nhật có độ tin cậy cao.

Thứ ba, Nhà nước cần khuyến khích việc thành lập và phát triển các công ty kinh doanh về thông tin chuyên thu thập, xử lý và bán các thông tin trên thị trường theo mô hình các công ty đánh giá tín nhiệm của các nước trên thế giới, từ đó, việc xếp hạng tín nhiệm các doanh nghiệp theo những tiêu

thức nhất định sẽ được ấn hành và bán công khai trên thị trường để nhà đầu tư cũng như các nhà tài trợ tham khảo trước khi quyết định hướng đầu tư.

Cơ chế hỗ trợ tài chính từ phía Nhà nước nhằm phát triển thị trường DVTC

Trong quá trình phát triển thị trường DVTC, ngoài sự nỗ lực từ phía các doanh nghiệp tài chính cung cấp các sản phẩm dịch vụ cần có sự hỗ trợ từ phía nhà nước thông qua những chương trình cụ thể như:

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Hiện nay cơ sở hạ tầng kỹ thuật của TP.HCM đang quá tải khó đáp ứng được nhu cầu phát triển thị trường dịch vụ tài chính là công nghệ thông tin. Có thể nhấn mạnh rằng công nghệ thông tin là sức mạnh của các doanh nghiệp tài chính đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng, chứng khoán.

Tính đến 2007 Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đến giai đoạn 2 đề án hiện đại hoá các hệ thống thanh toán dự kiến hoàn tất vào 2009 theo đúng lộ trình đã cam kết với Ngân hàng Thế giới. Tuy nhiên, việc triển khai mới chỉ tập trung tại các NHTM lớn. Vì vậy, tính đến 2007 trên địa bàn TP.HCM các tổ chức tín dụng vẫn phải phụ thuộc vào đường truyền dữ liệu qua mạng của ngành bưu chính viễn thông, nói cách khác, các tổ chức tín dụng không chủ động được đường truyền nên sự nghẽn mạch hoặc tốc độ đường truyền chậm là thường xuyên xảy ra. Vì vậy, đã làm hạn chế hiệu quả của hoạt động dịch vụ tài chính nhất là dịch vụ thanh toán, chuyển tiền điện tử và các giao dịch khác qua mạng. Theo dự báo của NHNN chi nhánh TP.HCM, từ nay đến 2010 nhu cầu thanh toán điện tử liên ngân hàng trên địa bàn sẽ tăng cao, doanh số bình quân từ 40.000 – 45.000 tỷ đồng/ ngày với khoảng 50.000 – 60.000 món/ ngày sẽ gây áp lực lên hệ thống. Thực tiễn này đòi hỏi NHNN phải quản lý và vận hành hệ thống thanh toán này như thế nào để đáp ứng được 3 yêu cầu:

- + Phải đáp ứng tải được khối lượng giao dịch hàng ngày;
- + Đảm bảo nhanh, chính xác;
- + Đảm bảo quản lý vốn và thực hiện thanh toán bù trừ.

Muốn vậy, phải có hạ tầng kỹ thuật và đường truyền tốt, đồng thời phải xây dựng được trung tâm thanh toán bù trừ tự động phục vụ giao dịch bán lẻ.

Để giải quyết vấn đề này, một số ngân hàng có khả năng tài chính đã phải thuê kênh thông tin

hoặc thuê cấp thông tin để cải thiện chất lượng dịch vụ. Do đó, theo chúng tôi bên cạnh chính sách đầu tư của Nhà nước để nâng cấp mạng viễn thông hiện nay, Nhà nước có thể hỗ trợ một phần kinh phí hoặc hỗ trợ về kỹ thuật để các ngân hàng thương mại đều có thể tham gia vào quá trình hiện đại hoá công nghệ.

- Đầu tư hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

Dịch vụ tài chính là một trong những ngành dịch vụ tiềm năng đang có tốc độ phát triển mạnh trên địa bàn hiện nay, vì vậy chính sách đầu tư hỗ trợ của Nhà nước trung giải quyết vấn đề nguồn nhân lực cung ứng cho ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ tài chính nói riêng đã được Viện Kinh tế Thành phố nghiên cứu.

Quá trình đào tạo cần được xây dựng kết hợp nhiều hình thức từ đào tạo trong nước, ngoài nước, thông qua liên kết, đào tạo ngắn hạn dài hạn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, thông qua các cơ quan chức năng chuyên trách như Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính... có thể liên kết với các tổ chức tài chính quốc tế để gửi các chuyên viên đến làm việc hoặc thực tập ngắn hạn, dài hạn để học hỏi kinh nghiệm về năng lực quản lý... kể cả thuê chuyên gia nước ngoài.

Củng cố và hoàn thiện thị trường tài chính

Thị trường tài chính cùng với thị trường dịch vụ tài chính đã tạo nên mối quan hệ tương tác chuyển hoá cho nhau về dòng vốn luân chuyển cũng như quan hệ hỗ trợ cùng tồn tại và phát triển. Một thị trường tài chính an toàn hiệu quả có tính thanh khoản cao luôn là người bạn đồng hành của các doanh nghiệp tài chính khi thực hiện các hoạt động đầu tư. Vì vậy, thị trường DVTC chỉ có thể phát triển mạnh khi được vận động trong bối cảnh một thị trường tài chính năng động.

Đối với thị trường tiền tệ vừa tạo tính thanh khoản cho các công cụ nợ ngắn hạn vừa tạo điều kiện phát triển các loại dịch vụ tài chính như chiết khấu, cầm cố, môi giới, bảo lãnh... mặt khác đây cũng là nơi hình thành lãi suất, tỉ giá... chi phối hoạt động của thị trường DVTC. Vì vậy, để tạo điều kiện phối hợp tốt hơn tương quan giữa thị trường tiền tệ và thị trường DVTC cần có sự nâng cấp và hoàn thiện sự vận hành của thị trường tiền tệ giúp Ngân hàng Nhà nước chủ động hơn trong kiểm soát tiền tệ tạo môi trường ổn định cho thị trường DVTC phát triển.

Mặt khác, Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường sự phân quyền cho các chi nhánh tại các địa bàn kinh tế lớn như TP. HCM để công tác điều hoà thị trường được kịp thời và linh hoạt hơn.

Đối với thị trường chứng khoán, tồn tại gần 10 năm, hoạt động quản lý của thị trường vẫn đang trong giai đoạn vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Sự phát triển của thị trường chứng khoán trong vòng 2 năm trở lại đây đã kéo theo sự gia tăng mạnh mẽ của các loại dịch vụ tài chính trên thị trường như môi giới, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, tư vấn, lưu ký, cầm cố chứng khoán, kế toán – kiểm toán... Do vậy, việc củng cố và hoàn thiện hoạt động của thị trường chứng khoán trong giai đoạn hiện nay không chỉ tạo nên tương tác quan trọng với thị trường dịch vụ tài chính mà còn góp phần tạo nên sự bền vững và lành mạnh của thị trường tài chính.

Kết luận

Xu thế mở cửa đang tạo cơ hội cũng như đặt ra những thách thức không nhỏ là mức độ cạnh tranh gay gắt trên thị trường DVTC khi đến năm 2010 phải dỡ bỏ các quy định cấm đoán đối với các hoạt động dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp tài chính nước ngoài. Như vậy, các doanh nghiệp TC trong nước ngoài nỗ lực của mình thì giải pháp từ góc độ quản lý vĩ mô là rất cần thiết để tạo môi trường hoạt động tốt hơn cho thị trường DVTC trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung ổn định và phát triển ■

Tài liệu tham khảo:

1. Tài liệu hội thảo "Tập huấn về đàm phán dịch vụ tài chính trong GATS" do Đại sứ quán Canada và Bộ Thương Mại phối hợp tổ chức 2/2003
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư – UNDP (2006), Khuôn khổ chung cho chiến lược quốc gia phát triển khu vực dịch vụ ở Việt Nam đến năm 2020, Báo cáo tháng 6
3. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (2005), Một số lựa chọn và kiến nghị cho chiến lược quốc gia phát triển khu vực dịch vụ ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, Báo cáo sơ bộ
4. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội TP.HCM đến năm 2010
5. Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế (2006), Các văn kiện gia nhập WTO của Việt Nam, NXB Chính trị Quốc Gia – Hà Nội
6. PGS-TS Thái Bá Cẩn- Ths Trần Nguyên Nam, Phát triển thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam trong tiến trình hội nhập, NXB Tài Chính -2004
7. TS Đinh Văn Ân- Hoàng thu Hòa, Phát Triển khu vực dịch vụ, NXB Thống Kê- 2007
8. WTO, Special Studies 22/12/1997. Opening Markets in Financial Services and the Role of the GATS